

BỘ Y TẾ
TRUNG TÂM THÔNG TIN
Y TẾ QUỐC GIA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TTYQG-DA
V/v hướng dẫn đặc tả cấu trúc thông tin
các mẫu bệnh án, mẫu giấy, phiếu y
được quy định tại Thông tư số
32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của
Bộ Y tế

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi: - Sở Y tế các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Bộ Y tế;
- Y tế các Bộ, ngành.
(gọi tắt là các Đơn vị)

Ngày 09/09/2025, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 72-NQ/TW về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân. Ngày 15/09/2025, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 282/NQ-CP ban hành chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

Ngày 06/06/2025, Bộ Y tế đã ban hành Thông tư số 13/2025/TT-BYT về việc hướng dẫn triển khai bệnh án điện tử.

Chủ trương thúc đẩy mạnh mẽ chuyển đổi số y tế toàn diện; hoàn thành, vận hành hiệu quả bệnh án điện tử; thống nhất tổ chức dữ liệu, đáp ứng yêu cầu liên thông dữ liệu khám chữa bệnh, quản lý dữ liệu sức khỏe người dân theo vòng đời, triển khai hồ sơ bệnh án điện tử bảo đảm thực chất, đem lại hiệu quả cụ thể, nâng cao chất lượng công tác khám, chữa bệnh, mang lợi ích thiết thực cho người bệnh, người dân, cơ sở y tế.

Thực hiện chủ trương trên, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia trân trọng gửi tới các đơn vị hướng dẫn đặc tả cấu trúc thông tin các mẫu bệnh án, mẫu giấy, phiếu y được quy định tại Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế (đặc tả kèm theo Công văn)

Một số thông tin chính của bộ tài liệu đặc tả, cụ thể:

1. Số lượng đặc tả:

- 29 mẫu bệnh án tại Phụ lục số XXVIII, Thông tư 32/2023/TT-BYT.
- 56 mẫu giấy, phiếu y tại Phụ lục số XXIX, Thông tư 32/2023/TT-BYT.

2. Phương pháp đặc tả: mô tả các trường thông tin bám sát các mẫu bệnh án, mẫu giấy, phiếu y được quy định tại Thông tư 32/2023/TT-BYT.

3. Cấu trúc đặc tả bao gồm:

- Phần 1: Một số kiểu dữ liệu đối tượng chứa cấu trúc thông tin đặc trưng.

- Phần 2: Bảng mô tả định dạng các trường thông tin của từng mẫu bám sát Thông tư 32 được chia theo nhóm thông tin, tiêu chí thông tin, mô tả, kiểu dữ liệu, độ dài dữ liệu và nguồn tham chiếu tới các văn bản danh mục đã được ban hành.

- Phần 3: Chuỗi JSON số hóa các trường thông tin được lưu trong hệ thống bệnh án điện tử.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị liên hệ:

Ông Trần Đình Đức, Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia - Bộ Y tế; Điện thoại: 0337319112; Email: ductd.ttyqg@moh.gov.vn;

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Các Phó Giám đốc (để biết);
- Các Cục: K2ĐT, KCB (để phối hợp);
- Công Thông tin điện tử Bộ Y tế;
- Lưu: VT, DA.

GIÁM ĐỐC

Đỗ Trường Duy

PHỤ LỤC

Nguồn tham chiếu của một số danh mục trong tài liệu đặc tả
(Ban hành kèm theo Công văn số /TTYQG-DA ngày tháng năm 2026
của Giám đốc Trung tâm Thông tin y tế Quốc gia)

| STT | Danh mục | Nguồn tham chiếu |
|-----|--|--|
| 1 | Nhóm chi phí, dịch vụ | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 3 |
| 2 | Thuốc hóa chất, sinh phẩm | - Thông tư 20/2022/TT-BYT, ngày 31/12/2022 của Bộ Y Tế - Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế; phụ lục 4 - Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 5 - Quyết định 4905/QĐ-BYT, ngày 21 tháng 10 năm 2019 của Bộ Y Tế |
| 3 | Danh mục mã thuốc và vị thuốc y học cổ truyền | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 6 |
| 4 | Danh mục mã chế phẩm thuốc y học cổ truyền chuyển đổi sang mã thuốc hóa dược | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 2 |
| 5 | Danh mục phương pháp chế biến vị thuốc cổ truyền | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế; phụ lục 3 |
| 6 | Danh mục mã vật tư y tế | - Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 8 - Quyết định 2178/QĐ-BYT, ngày 27 tháng 5 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| 7 | Danh mục mã máu và chế phẩm máu | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 9 |
| 8 | Danh mục mã dịch vụ kỹ thuật tương đương | Thông tư 23/2024/TT-BYT, ngày 18 tháng 10 năm 2024 của Bộ Y Tế |
| 9 | Danh mục mã khám bệnh theo hạng bệnh viện | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế; phụ lục 2 |
| 10 | Danh mục mã tiền giường theo hạng bệnh viện | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 5 |

| | | |
|----|--|---|
| 11 | Danh mục mã tiền ngày giường bệnh ban ngày theo hạng bệnh viện áp dụng trong hóa trị, xạ trị hoặc hóa - xạ trị | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 4 |
| 12 | Danh mục mã tiền ngày giường bệnh điều trị nội trú ban ngày theo hạng bệnh viện áp dụng tại các cơ sở phục hồi chức năng | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 1 |
| 13 | Chỉ số xét nghiệm | Quyết định 1227/QĐ-BYT, ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| 14 | Danh mục mã xét nghiệm huyết học, hóa sinh, vi sinh, chẩn đoán hình ảnh và nội soi | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 11 |
| 15 | Giải phẫu bệnh | Quyết định 2427/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 7 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| 16 | Danh mục mã bệnh theo ICD 10 | Quyết định 4469/QĐ-BYT, ngày 28 tháng 10 năm 2020 của Bộ Y Tế |
| 17 | Danh mục lâm sàng | Quyết định 2493/QĐ-BYT ngày 04/08/2025 của Bộ Y tế |
| 18 | Danh mục cận lâm sàng | Quyết định 1227/QĐ-BYT ngày 11/04/2025 của Bộ Y tế |
| 19 | Danh mục mã bệnh y học cổ truyền | Quyết định 7603/QĐ-BYT, ngày 25 tháng 12 năm 2018 của Bộ Y Tế: phụ lục 7 |
| 20 | Danh mục Khoa | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| 21 | Danh mục mã tai nạn thương tích | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế: phụ lục 4 |
| 22 | Nghề nghiệp | Quyết định 34/2020/QĐ-TT, ngày 26 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng |
| 23 | Quốc gia | Thông tư 07/2016/TT-BCA, ngày 01/02/2016 của Bộ Công an: phụ lục 2 |
| 24 | Tỉnh - Thành | Theo tổng cục thống kê |
| 25 | Xã - Phường | Theo tổng cục thống kê |
| 26 | CSKCB | Theo BHYT |
| 27 | Dị ứng | Quyết định 2805/QĐ-BYT, ngày 04 tháng 9 năm 2025 của Bộ Y Tế |
| 28 | Xăng dầu | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 5 |
| 29 | Danh mục mã đối tượng giám định y khoa | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 6 |
| 30 | Danh mục mã đối tượng khám bệnh, chữa bệnh | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 2 |
| 31 | Danh mục mã loại hình khám bệnh, chữa bệnh | Quyết định 824/QĐ-BYT, ngày 15 tháng 02 năm 2023 của Bộ Y Tế: phụ lục 1 |

| | | |
|----|--|---|
| 32 | Danh mục mã phác đồ điều trị HIV/AIDS | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 10 |
| 33 | Danh mục mã gói thầu và mã nhóm thầu thuốc | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 6 |
| 34 | Danh mục mã nhóm thầu vật tư y tế | Quyết định 5937/QĐ-BYT, ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y Tế; phụ lục 7 |
| 35 | Ekip PTTT | Thông tư số 50/2014/TT-BYT, ngày 26 tháng 12 năm 2014 của Bộ Y tế |
| 36 | Giới tính | Theo BHYT: 1: Nam; 2: Nữ; 3: Chưa xác định |